TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 18

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dãy số 6, 11, 16, ……, 76 có bao nhiêu số?

A. 15 **B.** 17 **C.** 14 **D.** 16

Câu 2. Giá trị của chữ số 8 trong số 9 836 767 là:

A. 80 000 **B.** 8 000 000 **C.** 800 000 **D.** 8

Câu 3. Biểu thức nào có giá trị bằng (404 + 802) + 887?

A. 404 × 802 + 887 **B.** (404 + 802) × 887

C. 404 + (802 + 887) **D.** 404 + 802 − 887

Câu 4. Kho thứ nhất có 2069 kg thóc, kho thứ hai có gấp 3 lần kho thứ nhất, kho thứ ba ít hơn kho thứ hai 515 kg. Cả ba kho có:

A. 13 968 kg **B.** 14 998 kg **C.** 8276 kg **D.** 5692 kg

Câu 5. 6 phút 16 giây = …… giây

A. 22 **B.** 616 **C.** 436 **D.** 376

Câu 6. Góc bẹt được chia thành hai góc, một góc có số đo 70°. Góc còn lại có số đo là:

A. 70° **B.** 20° **C.** 110° **D.** 290°

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho dãy số: 5, 11, 17, 23, ……, 257. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 18 của dãy là: ……

Bài 2. Cho các số: 727 790, 727 709, 727 970, 728 790, 772 790.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 9498 + 289 + 711 = ……

b) 5725 + 1050 − 725 = ……

c) 683 + 7993 + 17 = ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 tấn 74 kg = ……. kg

b) 5 tạ = ……. yến

c) 5 m^2 67 dm^2 = ……. dm^2

d) 2 phút 50 giây = ……. giây

Bài 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	
b) Hình bình hành có bốn cạnh bằng nhau	
c) Số 2 841 496 là số chẵn	
d) Góc tù lớn hơn góc vuông	

Bài 6. Hai thùng có tất cả 80 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 38 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: ……. l

b) Thùng thứ hai: ……. l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 18

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	C	A	D	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) (257 − 5) : 6 + 1 = 43 (số)

b) 5 + (18 − 1) × 6 = 107

Bài 2.

a) 772 790, 728 790, 727 970, 727 790, 727 709

b) 772 790 − 727 709 = 45 081

Bài 3.

a) 9498 + (289 + 711) = 9498 + 1 000 = 10 498

b) (5725 − 725) + 1050 = 5000 + 1050 = 6050

c) (683 + 17) + 7993 = 700 + 7993 = 8693

Bài 4.

a) 9000 + 74 = 9074

b) 1 tạ = 10 yến: 50

c) 500 + 67 = 567

d) 2 × 60 + 50 = 170

Bài 5.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) Đ

Bài 6.

Thùng thứ nhất: (80 + 38) : 2 = 59 (l)

Thùng thứ hai: 59 − 38 = 21 (l)